TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 06-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành – Bí thư Đoàn TNCS HCM phường Anh Dũng, quận D, thành phố H.

Bà Trịnh Thị Mai Phương – Bí thư Đoàn TNCS HCM quận D, thành phố H.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đồng Thị Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2006 (tính đến ngày phạm tội là 16 năm 8 tháng 4 ngày tuổi) tại H. Nơi cư trú: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-7-2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim B, tỉnh H1 khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ ngày 19-12-2023 đến ngày 22-12-2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979 (là bố mẹ đẻ của bị cáo); cùng nơi cư trú: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố H; có mặt.

- Đại diện Đoàn TNCS HCM xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Cù Thúy Minh - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn 11, xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, vắng mặt;

*Tại điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H gồm có Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo.

*Tại điểm cầu thành phần: Tại Nhà tạm giữ Công an quận D, thành phố H có bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04-7-2023, Nguyễn Thành Đ đến Công ty TNHH Lucky thuộc tổ 12, phường Hưng Đạo, quận D, thành phố H để xin việc nhưng không được nhận nên ra về. Khi đi ra phía ngoài cổng Công ty, Đ phát hiện một số xe mô tô không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đ đi đến chỗ để xe mô tô 37L2-428.88, thấy xe không khóa cổ, Đ dứt dây điện rồi đấu nối sau đó nổ máy điều khiển xe đi vào khu dự án nhà ở thuộc phường Anh Dũng. Tại đây, Đ cậy cốp xe thấy bên trong có cờ lê và tô vít nên đã dùng các vật dụng trên tháo biển kiểm soát của chiếc xe cất vào trong cốp rồi đi đến quán Internet ở địa chỉ số 730 đường Phạm Văn Đồng, phường Hòa Nghĩa, quận D ngồi chơi. Tại đây, Đ gặp và kể cho Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11-8-2010 và Ngô Quang H, sinh ngày 15-3-2010, cùng trú tại phường Hòa Nghĩa về việc mình trộm cắp xe mô tô. Đ rủ T1 và H về nhà H ở địa chỉ tổ 9, phường Hòa Nghĩa để rửa xe và tháo yếm, vỏ sườn xe cất vào trong 01 bao tải cùng biển kiểm soát rồi cả ba quay lại quán internet chơi, rồi để bao tải ở quán internet. Đến ngày 05-7-2023, Đ cho Vũ Đình T, sinh ngày 01-02-2008, trú tại phường Anh Dũng mượn xe mô tô trên đi chơi, sau đó T đem xe cất giấu ở một ngôi nhà bỏ hoang ở khu vực gầm cầu đường cao tốc phường Hải Thành. Đến ngày 06-7-2023, nhận thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên Đ đã đến cơ quan Công an phường Hưng Đạo đầu thú. Cơ quan công an đã lập biên bản vụ việc rồi giao Đ cho gia đình quản lý để chờ xác minh xử lý. Sau đó, Đ trốn khỏi địa phương, đến ngày 19-12-2023, Đ bị Công an quận Đồ Sơn bắt theo quyết định truy nã và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận D giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan công an đã tiến hành thu giữ 01 xe mô tô không biển kiểm soát, không có vỏ sườn và yếm xe tại ngôi nhà hoang nêu trên và 01 bao tải

trắng, bên trong có vỏ yếm xe, vỏ sườn xe và biển kiểm soát 37L2-428 tại quán Internet Tựu quán ở số 730 đường Phạm Văn Đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 19-7-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận D, kết luận: 01 xe mô tô BKS 37L2-428.88, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave tại thời điểm định giá vào đầu tháng 7-2023 có trị giá 14.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 xe mô tô BKS 37L2-428.88, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha màu trắng, là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị V, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị trộm cắp cho chị V.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị V đã nhận lại tài sản bị mất, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSDK ngày 26-01-2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thành Đ khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung nêu trên, phù hợp lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định hình ảnh và vật chứng thu giữ.

Đối với Vũ Đình T, Nguyễn Minh T1 và Ngô Quang H có hành vi che giấu tội phạm, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội T1, H chưa đủ 14 tuổi, T chưa đủ 16 tuổi nên cơ quan điều tra không truy cúu trách nhiệm hình sự về hành vi nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ với mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu Đ phải bồi thường nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên đại diện hợp pháp của bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại các điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới tính chất, mức độ nguy hiểm

hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để xem xét xử bị cáo với hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố H, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 04-7-2023, sau khi đi xin việc tại công ty TNHH Lucky thuộc tổ 12, phường Hưng Đạo, quận D, thành phố H; lúc ra về lợi dụng sơ hở không có ai trông coi, Đ đã lén lút chiếm đoạt một xe moto BKS 37L2-428.88 nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha màu trắng của chị Nguyễn Thị V để sử dụng cho mục đích cá nhân. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thỏa mãn cấu thành tội Trộm cắp tài sản vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận và xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Về đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim B, tỉnh H1 khởi tố về tội Trộm cắp tài sản ngày 26-7-2023. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá 14.000.000 đồng.

Do đó, đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Về tính chất vụ án và hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể trực tiếp được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên về nhân thân, ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh H1 đã bị khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; sau khi phạm tội không hợp tác với cơ quan điều tra mà còn bỏ trốn, sau đó bị bắt theo lệnh truy nã. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội theo quy định tại Điều 38, Điều 101 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Đ bồi thường nên Hội đồng xét xử xét không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý tài sản theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, do bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản nên người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải nộp thay bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ **12** (Mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 19-12-2023.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí

hình sự sơ thẩm (do bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp cho bị cáo nộp thay cho bị cáo).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Cơ quan điều tra CA quận D;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- PV06; PC 10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú,
- TAND TP H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng